

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên dự toán: Cung cấp đồ vải, quần áo blu và quần áo cho nhân viên của bệnh viện
- Chủ đầu tư: Bệnh viện Y học cổ truyền trung ương
- Tên gói thầu: Cung cấp đồ vải, quần áo blu và quần áo cho nhân viên của bệnh viện
- Nguồn vốn đầu tư: Nguồn thu khám chữa bệnh và các khoản thu hợp pháp khác của Bệnh viện
- Loại hợp đồng: Trọn gói
- Thời gian thực hiện gói thầu: 60 ngày kể từ ngày ký hợp đồng
- Địa điểm thực hiện: 29 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội, Việt Nam

1.2.. Yêu cầu về kỹ thuật

1.2.1. Yêu cầu chung:

- Hàng hóa thuộc gói thầu phải mới 100%, sản xuất năm 2025 trở lại đây.
- Nhà thầu phải thực hiện các công tác thu thập số liệu về kích thước người sử dụng hàng hóa để chuẩn bị, cung cấp hàng hóa của gói thầu cho phù hợp.
- Thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn sản xuất (đối với trang phục, quần áo) phải tuân thủ mẫu mã, hình thức tại Thông tư số: 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ Y tế.
- Thông số kỹ thuật: Hàng hóa cung cấp phải đúng chủng loại, đúng thông số kỹ thuật, phù hợp như mô tả tại bảng yêu cầu về kỹ thuật. Trường hợp nhà thầu chào hàng hóa tương đương. Yêu cầu có bảng so sánh chứng minh thông số kỹ thuật (chi tiết) của tất cả các hàng hóa tương đương hoặc tốt hơn.
- Nhà thầu lưu ý:
 - + Trong mọi trường hợp, nếu E-HSĐT của nhà thầu cung cấp thông tin, tài liệu làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, không trung thực thì E-HSĐT của nhà thầu bị loại và Nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Đồng thời là căn cứ để Bên mời thầu đề nghị cấm tham gia hoạt động đấu thầu trong đơn vị.
 - + Nhà thầu có thể chào thầu hàng hóa có thông số đúng hoặc tương đương hoặc mới hơn yêu cầu (tương đương được hiểu theo đáp ứng toàn bộ các thông số được nêu ra trong một hàng hóa của E-HSMT, công nghệ mới hơn được hiểu là công nghệ ra sau và có những thông số tốt hơn so với các thông số được yêu cầu của một hạng mục hàng hóa trong E-HSMT). Nhà thầu phải lập bảng liệt kê thông số kỹ thuật hàng hóa dự thầu và kèm theo tài liệu kỹ thuật hoặc catalogue để chứng minh (không bắt buộc đối với các vật tư, phụ kiện).
 - + Khi lập danh sách, hàng hóa trong Hồ sơ dự thầu, đề nghị các nhà thầu lập theo thứ tự danh mục hàng hóa trong Hồ sơ mời thầu.

+ Tên hãng sản xuất, xuất xứ, model, ký mã hiệu của hàng hóa (nếu có) nêu trong E-HSMT chỉ mang tính chất tham khảo

1.2.2. Yêu cầu kỹ thuật chi tiết:

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật
1	Ga trải giường KT: 1,5 x 2,5m	<p>* Thông số kỹ thuật vải</p> <p>1. Chất liệu vải: Vải màu trắng</p> <p>2. Màu sắc: Màu trắng</p> <p>3. Thông số kỹ thuật vải:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần (%): Polyeste: (78±1)%; Visco: (17±1)%; Spandex: (5±1)% - Khối lượng (g/m²): 236±2 - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 480±2; ngang: 362±2 - Độ bền xé rách (N): Dọc: 64±2; ngang: 101±2 - Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: -1,0±0,1; ngang: -0,5±0,1 - Độ bền màu giặt (cấp): 4-5 - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h <p>* Quy cách may</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: 1,5 x 2,5m - Quy cách: May xung quanh mép đường may 0,7cm. Có in logo của Bệnh viện
2	Ga trải giường chun KT: 1,9 x 0,9m	<p>* Thông số kỹ thuật vải</p> <p>1. Chất liệu vải: Vải màu trắng</p> <p>2. Màu sắc: Màu trắng</p> <p>3. Thông số kỹ thuật vải:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần (%): Polyeste: (78±1)%; Visco: (17±1)%; Spandex: (5±1)% - Khối lượng (g/m²): 236±2 - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 480±2; ngang: 362±2 - Độ bền xé rách (N): Dọc: 64±2; ngang: 101±2 - Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: -1,0±0,1; ngang: -0,5±0,1 - Độ bền màu giặt (cấp): 4-5 - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h <p>* Quy cách may</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: 1,9x0,9m

		- Quy cách: May chun xung quanh mép. Có in logo của Bệnh viện
3	Vỏ gói KT: 0,4 x 0,6m	<p>* Thông số kỹ thuật vải</p> <p>1. Chất liệu vải: Vải màu trắng</p> <p>2. Màu sắc: Màu trắng</p> <p>3. Thông số kỹ thuật vải:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần (%): Polyeste: (78±1)%; Visco: (17±1)%; Spandex: (5±1)% - Khối lượng (g/m²): 236±2 - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 480±2; ngang: 362±2 - Độ bền xé rách (N): Dọc: 64±2; ngang: 101±2 - Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: -1,0±0,1; ngang: -0,5±0,1 - Độ bền màu giặt (cấp): 4-5 - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h <p>* Quy cách may</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: 0,4 x 0,6m <p>- Quy cách: May xung quanh mép. Có in logo của Bệnh viện</p>
4	Áo bệnh nhân	<p>* Thông số kỹ thuật vải</p> <p>1. Chất liệu vải: Vải Kê sọc</p> <p>2. Màu sắc: Màu kê sọc trắng xanh</p> <p>3. Thông số kỹ thuật vải:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần (%): Polyeste: (67±1)%; Cotton: (33±1)% - Khối lượng (g/m²): 100 - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 422±2; ngang: 276±2 - Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: - 0,5±0,1; ngang: -0,5±0,1 - Độ bền màu giặt (cấp): 4-5 <p>* Quy cách may</p> <ul style="list-style-type: none"> - May theo thông tư 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ Y tế. Có in logo của Bệnh viện - Kích cỡ: <ul style="list-style-type: none"> + Số 2: 200 cái; + Số 3: 300 cái + Số 4: 50 cái
5	Quần bệnh nhân	<p>* Thông số kỹ thuật vải</p> <p>1. Chất liệu vải: Vải Kê sọc</p>

		<p>2. Màu sắc: Màu kẻ sọc trắng xanh</p> <p>3. Thông số kỹ thuật vải:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần (%): Polyeste: (67±1)%; Cotton: (33±1)% - Khối lượng (g/m²): 100 - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 422±2; ngang: 276±2 - Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: - 0,5±0,1; ngang: -0,5±0,1 - Độ bền màu giặt (cấp): 4-5 <p>* Quy cách may</p> <ul style="list-style-type: none"> - May theo thông tư 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ Y tế. Có in logo của Bệnh viện - Kích cỡ: <ul style="list-style-type: none"> + Số 2: 200 cái; + Số 3: 300 cái + Số 4: 50 cái
6	Váy bệnh nhân	<p>* Thông số kỹ thuật vải</p> <p>1. Chất liệu vải: Vải Kẻ sọc</p> <p>2. Màu sắc: Màu kẻ sọc trắng xanh</p> <p>3. Thông số kỹ thuật vải:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần (%): Polyeste: (67±1)%; Cotton: (33±1)% - Khối lượng (g/m²): 100 - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 422±2; ngang: 276±2 - Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: - 0,5±0,1; ngang: -0,5±0,1 - Độ bền màu giặt (cấp): 4-5 <p>* Quy cách may</p> <ul style="list-style-type: none"> - May theo thông tư 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ Y tế. Có in logo của Bệnh viện
7	Áo vàng	<p>* Thông số kỹ thuật vải</p> <p>1. Chất liệu vải: Vải Kate</p> <p>2. Màu sắc: Màu vàng</p> <p>3. Thông số kỹ thuật vải:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần (%): Polyeste: (65±1)%; Cotton: (35±1)% - Khối lượng (g/m²): 162 - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 292±2; ngang: 228±2 - Chỉ số sợi tách từ vải (Ne): Dọc: (20±2)/1; ngang: (20±2)/1 <p>* Quy cách may</p>

		Áo 2 ve, cài cúc giữa, dài tay, chiều dài áo dưới gối 5 - 10cm, phía trước có 3 túi, phía sau xẻ giữa tới ngang hông. Có in logo của Bệnh viện
8	Ruột gói	<p>* Thông số kỹ thuật vải</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chất liệu vỏ ngoài: Vải Kate 2. Màu sắc: Màu trắng 3. Thông số kỹ thuật vải: <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần (%): 100% Polyeste - Khối lượng (g/m²): 132±2 - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 500±2; ngang: 338±2 - Độ bền xé rách (N): Dọc: 27±2; ngang: 20±2 - Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: 0±0,1; ngang: -0,5±0,1 - Độ bền màu giặt (cấp): 4-5 <p>* Quy cách may</p> <p>Vỏ ngoài vải 100% Polyester, ruột bông hóa học + vỏ chống thấm</p>
9	Túi đựng đồ bẩn	<p>* Thông số kỹ thuật vải</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chất liệu vải: Vải thô 2. Màu sắc: Màu trắng 3. Thông số kỹ thuật vải: <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần (%): 100% cotton - Khối lượng (g/m²): 278±2 - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 216±2; ngang: 118±2 - Chỉ số sợi tách từ vải (Ne): Dọc: (21±2)/2; ngang: (11±2)/2 <p>* Quy cách may</p> <p>- May xung quanh mép. Miệng ô ruê khuy có dây buộc KT: 1,2 x 0,9m</p>
10	Ruột bông siêu nhẹ	<ol style="list-style-type: none"> 1. Chất liệu vỏ ngoài: Vải Kate 2. Màu sắc: Màu trắng 3. Thông số kỹ thuật vải: <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần (%): 100% Polyeste - Khối lượng (g/m²): 132±2 - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 500±2; ngang: 338±2 - Độ bền xé rách (N): Dọc: 27±2; ngang: 20±2 - Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: 0±0,1; ngang: -0,5±0,1

		- Độ bền màu giặt (cấp): 4-5
11	Chăn trần bông hoặc nỉ siêu nhẹ KT: 1,5m x 2m	<p>* Thông số kỹ thuật</p> <p>1. Chất liệu vải: Vải 100% cotton</p> <p>2. Màu sắc: nền trắng hoa xanh</p> <p>3. Thông số kỹ thuật vải:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần (%): 100% cotton - Khối lượng (g/m²): 154±2 - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 286±2 ; ngang: 222±2 - Độ bền màu giặt (cấp): 4-5 <p>* Quy cách may</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước 1,5 m x 2m - Quy cách may: May trần 2 mặt
12	Khăn xoa bóp KT: 0,9 x 0,6m	<p>* Thông số kỹ thuật vải</p> <p>1. Chất liệu vải: Vải Phin</p> <p>2. Màu sắc: Màu trắng</p> <p>3. Thông số kỹ thuật vải:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần (%): 100% Cotton - Khối lượng (g/m²): 147±2 - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 263±2; ngang: 213±2 - Độ bền xé rách (N): Dọc: 9±2; ngang: 7±2 - Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: -6,5±0,1; ngang: -2,5±0,1 - Độ bền màu giặt (cấp): 4-5 - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h <p>* Quy cách may</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: 0,9m x 0,6m - Quy cách: May xung quanh mép - Có in logo của Bệnh viện
13	Khăn xoa bóp KT: 0,4 x 0,6m	<p>* Thông số kỹ thuật vải</p> <p>1. Chất liệu vải: Vải Phin</p> <p>2. Màu sắc: Màu trắng</p> <p>3. Thông số kỹ thuật vải:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần (%): 100% Cotton - Khối lượng (g/m²): 147±2 - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 263±2; ngang: 213±2 - Độ bền xé rách (N): Dọc: 9±2; ngang: 7±2

		<ul style="list-style-type: none"> - Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: $-6,5\pm 0,1$; ngang: $-2,5\pm 0,1$ - Độ bền màu giặt (cấp): 4-5 - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h * Quy cách may - Kích thước: 0,4m x 0,6m - Quy cách: May xung quanh mép - Có in logo của Bệnh viện
14	Quần áo mi mờ khoa TDCN	<ul style="list-style-type: none"> * Thông số kỹ thuật vải 1. Chất liệu vải: Vải Thô 2. Màu sắc: Màu xanh cỏ vịt 3. Thông số kỹ thuật vải: <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần (%): Polyeste: $(65\pm 1)\%$; Visco: $(35\pm 1)\%$ - Khối lượng (g/m²): 165 ± 2 - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 302 ± 2; ngang: 256 ± 2 - Độ bền xé rách (N): Dọc: 53 ± 2; ngang: 46 ± 2 - Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: $-2,0\pm 0,1$; ngang: $-2,0\pm 0,1$ - Độ bền màu giặt (cấp): 4-5 * Quy cách may - May theo thông tư 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ Y tế. Có in logo của Bệnh viện
15	Quần áo mi mờ Khoa Ngoại	<ul style="list-style-type: none"> * Thông số kỹ thuật vải 1. Chất liệu vải: Vải xanh dương 2. Màu sắc: Màu xanh dương 3. Thông số kỹ thuật vải: <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần (%): Polyeste: $(79\pm 1)\%$; Visco: $(15\pm 1)\%$; Spandex: $(6\pm 1)\%$ - Khối lượng (g/m²): 242 ± 2 - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 481 ± 2; ngang: 364 ± 2 - Độ bền xé rách (N): Dọc: 129 ± 2; ngang: 296 ± 2 - Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: $-0,5\pm 0,1$; ngang: $0\pm 0,1$ - Độ bền màu giặt (cấp): 4-5 - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h * Quy cách may - May theo thông tư 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ Y tế. Có in logo của Bệnh viện

16	Ga trải bàn mổ KT: 1,6 X 1,6m	<p>* Thông số kỹ thuật vải</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chất liệu vải: Vải Kaki 2. Màu sắc: Màu xanh lá cây 3. Thông số kỹ thuật vải: <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần (%): 100% cotton - Khối lượng (g/m²): 276±2 - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 448±2; ngang: 194±2 - Độ bền xé rách (N): Dọc: 15±2; ngang: 19±2 - Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: -4,5±0,1; ngang: -2,5±0,1 - Độ bền màu giặt (cấp): 4-5 - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h <p>* Quy cách may</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: 1,6 x 1,6m - Quy cách: May xung quanh mép. Có in logo của Bệnh viện
17	Ga trải giường KT: 1,6 x 2,5m	<p>* Thông số kỹ thuật vải</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chất liệu vải: Vải Kaki 2. Màu sắc: Màu xanh lá cây 3. Thông số kỹ thuật vải: <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần (%): 100% cotton - Khối lượng (g/m²): 276±2 - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 448±2; ngang: 194±2 - Độ bền xé rách (N): Dọc: 15±2; ngang: 19±2 - Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: -4,5±0,1; ngang: -2,5±0,1 - Độ bền màu giặt (cấp): 4-5 - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h <p>* Quy cách may</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: 1,6 x 2,5m - Quy cách: May xung quanh mép. Có in logo của Bệnh viện
18	Áo choàng mổ	<p>* Thông số kỹ thuật vải</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chất liệu vải: Vải Kaki 2. Màu sắc: Màu xanh lá cây 3. Thông số kỹ thuật vải: <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần (%): Polyeste: (65±1)%; Cotton: (35±1)% - Khối lượng (g/m²): 225±2 - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 480±2; ngang: 224±2

		<ul style="list-style-type: none"> - Độ bền xé rách (N): Dọc: 72±2; ngang: 45±2 - Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: -0,5±0,1; ngang: -0,5±0,1 - Độ bền màu giặt (cấp): 4-5 <p>* Quy cách may</p> <ul style="list-style-type: none"> - Áo phễu thuật dài tay, khâu trang liền cổ, chiều dài quá gối 5-10cm, bo chun tay 6cm, buộc dây phía sau. Có in logo của Bệnh viện
19	Toan vô trùng bàn KT: 1,5 x 1,5m	<p>* Thông số kỹ thuật vải</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chất liệu vải: Vải Kaki 2. Màu sắc: Màu xanh lá cây 3. Thông số kỹ thuật vải: <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần (%): 100% cotton - Khối lượng (g/m²): 276±2 - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 448±2; ngang: 194±2 - Độ bền xé rách (N): Dọc: 15±2; ngang: 19±2 - Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: -4,5±0,1; ngang: -2,5±0,1 - Độ bền màu giặt (cấp): 4-5 - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h <p>* Quy cách may</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: 1,5 x 1,5m - Quy cách may: May xung quanh mép đường may 0,7cm
20	Săng không lỗ KT: 1 x 1m	<p>* Thông số kỹ thuật vải</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chất liệu vải: Vải Kaki 2. Màu sắc: Màu xanh lá cây 3. Thông số kỹ thuật vải: <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần (%): 100% cotton - Khối lượng (g/m²): 276±2 - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 448±2; ngang: 194±2 - Độ bền xé rách (N): Dọc: 15±2; ngang: 19±2 - Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: -4,5±0,1; ngang: -2,5±0,1 - Độ bền màu giặt (cấp): 4-5 - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h <p>* Quy cách may</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: 1 x 1m

		- Quy cách may: May xung quanh mép đường may 0,7cm
21	Săng không lỗ KT: 0,8 x 1m	<p>* Thông số kỹ thuật vải</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chất liệu vải: Vải Kaki 2. Màu sắc: Màu xanh lá cây 3. Thông số kỹ thuật vải: <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần (%): 100% cotton - Khối lượng (g/m²): 276±2 - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 448±2; ngang: 194±2 - Độ bền xé rách (N): Dọc: 15±2; ngang: 19±2 - Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: -4,5±0,1; ngang: -2,5±0,1 - Độ bền màu giặt (cấp): 4-5 - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h <p>* Quy cách may</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: 0,8 x 1m - Quy cách may: May xung quanh mép đường may 0,7cm
22	Săng có lỗ KT: 1 x 1m Lỗ ĐK: 14cm	<p>* Thông số kỹ thuật vải</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chất liệu vải: Vải Kaki 2. Màu sắc: Màu xanh lá cây 3. Thông số kỹ thuật vải: <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần (%): 100% cotton - Khối lượng (g/m²): 276±2 - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 448±2; ngang: 194±2 - Độ bền xé rách (N): Dọc: 15±2; ngang: 19±2 - Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: -4,5±0,1; ngang: -2,5±0,1 - Độ bền màu giặt (cấp): 4-5 - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h <p>* Quy cách may</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: 1 x 1m lỗ ĐK: 14cm - Quy cách may: May xung quanh mép đường may 0,7cm
23	Toan mô trĩ có lỗ KT: 1,8 x 2m Lỗ ĐK: 20cm	<p>* Thông số kỹ thuật vải</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chất liệu vải: Vải Kaki 2. Màu sắc: Màu xanh lá cây 3. Thông số kỹ thuật vải: <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần (%): 100% cotton - Khối lượng (g/m²): 276±2

		<ul style="list-style-type: none"> - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 448±2; ngang: 194±2 - Độ bền xé rách (N): Dọc: 15±2; ngang: 19±2 - Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: -4,5±0,1; ngang: -2,5±0,1 - Độ bền màu giặt (cấp): 4-5 - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h <p>* Quy cách may</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: 1,8 x 2m lỗ ĐK 20cm - Quy cách may: May xung quanh mép đường may 0,7cm
24	Toan bọc đồ 2 lớp vải KT: 1 x 1m	<p>* Thông số kỹ thuật vải</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chất liệu vải: Vải Kaki 2. Màu sắc: Màu xanh lá cây 3. Thông số kỹ thuật vải: <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần (%): 100% cotton - Khối lượng (g/m²): 276±2 - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 448±2; ngang: 194±2 - Độ bền xé rách (N): Dọc: 15±2; ngang: 19±2 - Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: -4,5±0,1; ngang: -2,5±0,1 - Độ bền màu giặt (cấp): 4-5 - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h <p>* Quy cách may</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: 1 x 1m - Quy cách may: May xung quanh mép đường may 0,7cm, May 2 lớp
25	Khăn tay vàng KT: 0,3 x 0,3m	<p>* Thông số kỹ thuật vải</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chất liệu vải: Vải Cotton 2. Màu sắc: Màu vàng 3. Thông số kỹ thuật vải: <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần (%): Cotton: (83±1)%; Rayon: (17±1)% - Khối lượng (g/m²): 58±2 - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 263±2; ngang: 208±2 - Độ bền màu giặt (cấp): 3-5 - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h <p>* Quy cách may</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: 0,3 x 0,3m - Quy cách: dệt viền 4 xung quanh

26	Ga phủ K. NTBN KT: 190 x 65 x 70cm	<p>* Thông số kỹ thuật vải</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chất liệu vải: Vải Kaki 2. Màu sắc: Màu xanh lá cây 3. Thông số kỹ thuật vải: <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần (%): 100% cotton - Khối lượng (g/m²): 276±2 - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 448±2; ngang: 194±2 - Độ bền xé rách (N): Dọc: 15±2; ngang: 19±2 - Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: -4,5±0,1; ngang: -2,5±0,1 - Độ bền màu giặt (cấp): 4-5 - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h <p>* Quy cách may</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: 190 x 65 x 70cm - Quy cách: May xung quanh mép đường may 0,7cm; may trần xếp ly phủ dài 70cm (đảm bảo quây phủ kín xung quanh thân giường). Có in logo của Bệnh viện
27	Quần áo nhân viên hành chính	<p>* Áo</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chất liệu vải: Vải Bamboo 2. Màu sắc: Màu trắng 3. Thông số kỹ thuật vải: <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần (%): Polyeste: (69±1)%; Cotton: (12±1)%; Visco: (19±1)% - Khối lượng (g/m²): 141±2 - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 280±2; ngang: 288±2 - Độ bền xé rách (N): Dọc: 56±2; ngang: 43±2 - Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: -1,5±0,1; ngang: -0,5±0,1 - Độ bền màu giặt (cấp): 4-5 - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h <p>* Áo vest, quần âu đối với nam, chân зу́p đối với nữ</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chất liệu vải: Vải Tuytsi 2. Màu sắc: Màu xanh tím than 3. Thông số kỹ thuật vải: <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần (%): Polyeste: (69±1)%; Visco: (29±1)%; Spandex: (2±1)% - Khối lượng (g/m²): 278±2

		<ul style="list-style-type: none"> - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 426±2; ngang: 288±2 - Độ bền xé rách (N): Dọc: 48±2; ngang: 31±2 - Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: -1,5±0,1; ngang: 0±0,1 - Độ bền màu giặt (cấp): 4-5 - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h <p>* Quy cách may</p> <ul style="list-style-type: none"> - Áo vest: Cổ 2 ve, dáng xuôi bản cổ có lớp lót tạo độ êm phom, bên trong có lớp dựng méch tạo độ phẳng đúng phom. Thân áo có lớp lót bên trong lụa hàng thêu pháp, tay áo may xong phẳng, có thừa đỉnh bọ có cúc theo tiêu chuẩn Pháp. May theo số đo từng người. - In logo của Bệnh viện: Logo tròn, đường kính 3,5cm. Vị trí: Trang phục có túi áo: logo in ở túi ngực trái, in chính giữa túi. Trang phục không có túi áo: logo in ở ngực trái. - May theo Điều 11 thông tư 45/2015/TT-BYT - Áo sơ mi may theo số đo từng người. In logo của Bệnh viện: + Logo tròn, đường kính 3,5cm. Vị trí: Trang phục có túi áo: logo in ở túi ngực trái, in chính giữa túi. Trang phục không có túi áo: logo in ở ngực trái. - May theo Điều 11 thông tư 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ Y tế, cổ đực, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay. - Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau, có lớp lót lụa Pháp ngang gối. May theo Điều 11 thông tư 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ Y tế: Chân váy kiểu jupe 2 lớp, lớp lót bên trong vải lụa hàng thêu Pháp, tối thiểu dài ngang gối. May theo Điều 11 thông tư 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ Y tế: <p>* 1 bộ bao gồm: Áo vest + áo sơ mi + Quần âu hoặc chân zuýp</p>
28	Quần áo blu	<ol style="list-style-type: none"> 1. Chất liệu vải: Vải màu trắng 2. Màu sắc: Màu trắng 3. Thông số kỹ thuật vải: <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần (%): Polyeste: (79±1)%; Visco: (16±1)%; Spandex: (5±1)% - Khối lượng (g/m²): 243±2 - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 482±2; ngang: 368±2 - Độ bền xé rách (N): Dọc: 123±2; ngang: 296±2

		<ul style="list-style-type: none"> - Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: $-1,0\pm 0,1$; ngang: $-0,5\pm 0,1$ - Độ bền kéo đứt (N): Dọc: 655 ± 2; ngang: 1002 ± 2 - Độ vón gút sau 10800 vòng quay (cấp): 4 - Độ bền màu giặt (cấp): 4-5 - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h * Quy cách may - Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/ 2015 - 01 bộ bao gồm: Quần, áo, mũ, khẩu trang; - Có in logo của Bệnh viện
29	Quần áo bảo vệ	<ul style="list-style-type: none"> * Áo 1. Chất liệu vải: Vải thô 2. Màu sắc: Màu xanh 3. Thông số kỹ thuật vải: <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần (%): Polyeste: $(63\pm 1)\%$; Visco: $(37\pm 1)\%$ - Khối lượng (g/m²): 210 ± 2 - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 232 ± 2; ngang: 218 ± 2 - Độ bền xé rách (N): Dọc: 58 ± 2; ngang: 55 ± 2 - Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: $-0,5\pm 0,1$; ngang: $-0,5\pm 0,1$ - Độ bền màu giặt (cấp): 4-5 - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h * Quần 1. Chất liệu vải: Vải Kaki 2. Màu sắc: Màu xanh 3. Thông số kỹ thuật vải: <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần (%): Polyeste: $(64\pm 1)\%$; Visco: $(36\pm 1)\%$ - Khối lượng (g/m²): 267 ± 2 - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 344 ± 2; ngang: 206 ± 2 - Độ bền xé rách (N): Dọc: 98 ± 2; ngang: 62 ± 2 - Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: $-1,5\pm 0,1$; ngang: $-0,5\pm 0,1$ - Độ bền màu giặt (cấp): 4-5 - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h * Quy cách may - Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015

30	Quần áo nhân viên lái xe	<p>* Thông số kỹ thuật vải</p> <p>1. Chất liệu vải: Vải Kaki</p> <p>2. Màu sắc: Màu tím than</p> <p>3. Thông số kỹ thuật vải:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần (%): Polyeste: (93±1)%; Spandex: (7±1)% - Khối lượng (g/m²): 290±2 - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 897±2; ngang: 379±2 - Độ bền xé rách (N): Dọc: 172±2; ngang: 109±2 - Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: -0,5±0,1; ngang: 0±0,1 - Độ bền màu giặt (cấp): 2-5 - Hàm lượng formaldehyt (mg/kg): K.p.h <p>* Quy cách may</p> <ul style="list-style-type: none"> - Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015
----	--------------------------	--

Ghi chú:

- Nhà thầu cung cấp hàng hóa đúng khối lượng và chủng loại quy định hoặc tương đương hoặc tốt hơn các hàng hóa nêu trên, tên và mã hiệu (nếu có) chỉ mang tính chất tham khảo. Nhà thầu phải lập bảng liệt kê thông số kỹ thuật hàng hóa dự thầu và kèm Catalog hàng hóa để chứng minh.

- “Tương đương” có nghĩa là có đặc tính kỹ thuật tương tự, tính năng sử dụng, chất lượng là tương đương với các hàng hóa nêu trên.

1.3. Các yêu cầu khác

- Nhà thầu cam kết cung cấp bản gốc phiếu kiểm nghiệm vải của cơ quan, tổ chức có chức năng thí nghiệm để đối chiếu khi có yêu cầu.

- Cam kết thu hồi hàng hóa trong trường hợp đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền nhưng nguyên nhân không phải do lỗi bên mời thầu.

Mục 2. Bản vẽ: Không có bản vẽ

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm:

* Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có:

- Địa điểm: Tại địa điểm bàn giao hàng hóa

- Kiểm tra, thử nghiệm sẽ được tiến hành khi hàng đến địa điểm bàn giao theo yêu cầu của E-HSMT.

- Chủ đầu tư sẽ trực tiếp kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa với sự chứng kiến của nhà thầu:

+ Tỷ lệ kiểm tra: Kiểm tra theo xác suất cho từng lô hàng, lấy mẫu ngẫu nhiên từ 5% đến 10% số lượng sản phẩm trong lô hàng kiểm tra.

+ Kiểm tra ngoại quan: Kiểm tra ngoại quan bằng mắt thường phải đạt yêu cầu theo quy định tại Yêu cầu về ngoại quan.

+ Kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật: Trải sản phẩm trên bàn phẳng, đo kích thước sản phẩm theo chiều dài, chiều rộng bằng thước dây, đo kích thước đường kính cọc bằng thước cặp. Kết quả kiểm tra phải đạt yêu cầu theo quy định tại “Yêu cầu về kỹ thuật”.

- Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền từ chối và nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh hàng hóa không phù hợp. Chủ đầu tư có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Nhà thầu chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của Chủ đầu tư không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Nhà thầu.